

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

Số: 2622 /CSVN-QLKT

**HỘI THI BÀN TAY VÀNG
KHAI THÁC MỦ CAO SU NĂM 2016**

V/v ban hành bộ đề thi lý thuyết song ngữ
Việt Nam - Lào.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Kính gửi : Công ty Cao su khu vực Lào

Theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc tổ chức Hội thi “Bàn tay vàng khai thác mủ cao su năm 2016”;

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ban hành bộ đề thi Lý thuyết gồm 100 câu hỏi về quản lý, chăm sóc trên vườn cây cao su kinh doanh theo Quy trình kỹ thuật Cây Cao su năm 2012 và quy trình bổ sung 2014 (gồm 34 trang đính kèm) bằng song ngữ Việt Nam – Lào.

Lưu ý: Bộ đề lần này có rất nhiều thay đổi so với bộ đề lần trước do cập nhật các kiến thức mới trong quy trình bổ sung 2014 và cập nhật các quy định về nhíp độ cạo d4.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lãnh đạo Tập đoàn ‘để b/c’;
- Lưu: VT, QLKT.



**Nguyễn Tiên Đức
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HỘI THI**

Câu hỏi phần BVTV (20 câu)

ຄໍາຖາມ: ຂະແໜງບາບສັດຕູພືດ(20ຄໍາ)

Kiến thức chung (3 câu)

ຄວາມຮູ້ທົ່ວໄປ(ມີ3ຂໍ້)

1. Yêu cầu “4 đúng” để sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có hiệu quả là:

1/ ຕອ້ງ 4 ຖືກ ເພື່ອໄດ້ຢາບາບສັດຕູພືດໃຫ້ມີປະສິດທິຜົນແມ່ນຕອ້ງ:

a) Đúng thuốc, đúng lúc, đúng cách, đúng nồng độ và liều lượng

ກ. ໄດ້ຢາຖືກພະຍາດ, ຖືກຕອ້ງຕາມເວລາ, ຖືກວິທີ, ຖືກຕອ້ງຕາມບໍລິມາດແລະຄວາມເຂັ້ມ

b) Đúng thuốc, đúng liều, đúng giá, đúng quy định

ຂ. ໄດ້ຢາຖືກພະຍາດ, ຖືກຕອ້ງຕາມບໍລິມາດ, ຖືກລາຄາ, ຖືກຕອ້ງຕາມກຳນົດ

c) Đúng đối tượng, đúng cách, đúng liều, đúng chỗ

ຄ. ຖືກຕາມພະຍາດ, ຖືກວິທີ, ບໍລິມາດ, ຖືກບ່ອນ

d) Đúng hiệu thuốc, đúng thời hạn, đúng quy cách, đúng liều lượng

ງ. ຖືກຊື່ຢາ, ຖືກຕາມກຳນົດເວລາ, ຖືກຕາມຫຼັກການ, ຖືກບໍລິມາດ

2. Để bảo đảm an toàn khi phun thuốc bảo vệ thực vật cần:

2/ ເພື່ອຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພໃນເວລາໄດ້ຢາບາບສັດຕູພືດຕອ້ງ:

a) Có trang bị bảo hộ lao động; không ăn, hút thuốc trong khi đang phun thuốc

ກ. ມີອຸປະກອນຮັບໃຊ້ແກ່ການອອກແຮງງານ, ບໍ່ກິນ, ບໍ່ສູບຢາໃນເວລາທີ່ຊີດຢາ

b) Không sử dụng bình phun bị rò rỉ

ຂ. ບໍ່ນຳໃຊ້ບັງຊີດທີ່ຮົ່ວ

c) Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả các bộ phận của cơ thể

ຄ. ບໍ່ຊີດຕ້ານລົມແລະບໍ່ໃຫ້ຢາຖືກຮ່າງກາຍ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

3. Thuốc trừ bệnh có hoạt chất hexaconazole có thể trị được loại bệnh nào trên cây cao su?

3/ ຢາບາບສັດຕູພືດແມ່ນມີທາດເອມີ (hexaconazole) ສາມາດຂ້າພະຍາດໃດໃນກົກຢາງ?

a) Phấn trắng

ກ. ພະຍາດ ແບັງຂາວ

b) Nấm hồng

ຂ. ເຈຊື້ອລາ

c) Corynespora

ຄ. Corynespora

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

Bệnh Botryodiplodia (3 câu)

ພະຍາດ Botryodiplodia (3ຂໍ້)

4. Hoạt chất nào có thể dùng để phòng trị bệnh Botryodiplodia?

4/ ສານເຄມີໃດທີ່ສາມາດປ້ອງພະຍາດ Botryodiplodia?

a) Validamycin

ກ. Validamycin

b) Glyphosate

ຂ. Glyphosate

c) Carbendazim

ຄ. Carbendazim

d) Chlopyrifos

ງ. Chlopyrifos

5. Cần lưu ý phun trị bệnh Botryodiplodia vào mùa nào trong năm?

5/ ຕ້ອງເອົາໃຈໃສ່ໃນເວລາປ້ອງພະຍາດ Botryodiplodia ໃນຊ່ວງລະດູໃດຂອງປີ

a) Mùa khô

ກ. ລະດູແລ້ງ

b) Mùa mưa

ຂ. ລະດູຝົນ

c) Mùa cao su thay lá

ຄ. ສາມາດກັກຢາງປ່ຽນໃບ

d) Cả 3 câu đều đúng

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

6. Vị trí gây hại chủ yếu của bệnh Botryodiplodia trên cây cao su là:

6/ ຈຸດທີມັກເກີດເສຍຫາຍຈາກພະຍາດ Botryodiplodia ແມ່ນຈຸດໃດ?

a) Lá

ກ. ໃບ

b) Chồi

ຂ. ຍອດ

c) Cành và thân

ຄ. ຫ່ວງ ແລະກົກ

d) Câu b và c đúng

ງ. ຂໍ້ ຂ ແລະຂໍ້ ຄ ຖືກ

Bệnh Rụng lá mùa mưa, loét sọc (4 câu)

ພະຍາດໃບໄມ້ລົ້ນຍາມຝົນ ປາກຢາງເປືອ (4ຂໍ້)

7. Thuốc chuyên phòng trị bệnh loét sọc mặt cạo hiện nay đang sử dụng là:

7/ ຢາທີ່ໃຊ້ສະເພາະປ້ອງພະຍາດ ປາກຢາງເປືອແມ່ນຢາ:

a) Ethephon

ກ. Ethepon

b) Validamycin

ຂ. Validamycin

c) Metalaxyl + mancozeb

ຄ. Metalaxyl + mancozeb

e) Dung dịch Boóc đô 5%

ງ. ປະສົມຢາBoóc ດ໌ 5%

8. Để phòng bệnh loét sọc mặt cạo vào mùa mưa người công nhân cạo mủ cần thực hiện những việc gì?

8/ ເພື່ອປ້ອງກັນພະຍາດປາກເປືອໃນລະດູຝົນ ກຳມະກອນກີດຢາງຕ້ອງເຮັດແນວໃດ?

a) Không cạo khi mặt cạo còn ướt; Áp dụng các biện pháp che chắn nước mưa
ກ. ບໍ່ກີດໃນເວລາປາກຢາງຍັງປຽກ, ໃຊ້ແຜ່ນກັນຝົນ.

b) Cạo đúng kỹ thuật và diệt cỏ dại

ຂ. ກີດຖືກຕ້ອງຕາມຕົກນິກ, ຂ້າຫຍ້າ

c) Làm vệ sinh mặt cạo thường xuyên, tích cực bôi thuốc phòng bệnh cho mặt cạo

ຄ. ອະນາໄມປາກຢາງ, ທາຍາປ້ອງກັນປາກຢາງ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

9. Trong mùa mưa ẩm, việc cạo phạm thường dẫn đến bệnh gì?

9/ ໃນຍາມຝົນມີຄວາມຊື່ນ, ການກີດຜິດພາດມັກເກີດພະຍາດຫຍັງ

a) Rụng lá mùa mưa

ກ. ໃບລົ້ນຍາມຝົນ

b) Khô mặt cạo

ຂ. ປາກຢາງແຫ້ງ

c) Phấn trắng

ຄ. ເຫັດຂາວ

d) Loét sọc mặt cạo

ງ. ປາກຢາງເປືອ

10. Bệnh nào có cùng tác nhân gây bệnh với bệnh rụng lá mùa mưa trên vườn cao su kinh doanh?

10/ ພະຍາດໃດທີ່ ມີສາຍເຫດດຽວກັນພະຍາດເຮັດໃຫ້ແກ່ໃບໄມ້ລົ້ນລາມຜົນ

- a) Héo đen đầu lá
- ກ. ຮຸ່ງວດຳບາຍໃບໄມ້
- b) Nấm hồng
- ຂ. ເຊື້ອລາ
- c) Loét soc mắt cao
- ຄ. ປາກຢາງເປື້ອ
- d) Phấn trắng
- ງ. ເຫັດຂາວ

Bệnh phấn trắng (3 câu)

ພະຍາດເຫັດຂາວ:(3ຂໍ້)

11. Bệnh phấn trắng thường gây hại trên loại vườn cây cao su nào?

11/ ພະຍາດເຫັດຂາວສ່ວນຫຼາຍມັກເກີດຂຶ້ນກັບສວນຢາງປະເພດໃດ?

- a) Vườn nhân, vườn ương
- ກ. ສວນກຳເປ້ຍ. ສວນແນວຜັນ
- b) Vườn cây kiến thiết cơ bản
- ຂ. ສວນບຸກໃໝ່
- c) Vườn cây kinh doanh
- ຄ. ສວນທີ່ກິດຢາງ
- c) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng
- ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

12. Bệnh phổ biến trong mùa thay lá hàng năm ở vườn cao su kinh doanh:

12/ ພະຍາດທີ່ມັກເກີດໃນລະດູໃບໄມ້ລົ້ນ(ປ່ຽນ) ສວນທີ່ກິດຢາງ ແມ່ນພະຍາດຫຍັງ

- a) Nấm hồng
- ກ. ເຊື້ອລາ
- b) Đốm mắt chim
- ຂ. ດ່າງດຳຕານົກ
- c) Phấn trắng
- ຄ. ເຫັດຂາວ
- d) Khô mắt cao
- ງ. ປາກຢາງແຫ້ງ

13. Bệnh phần trắng gây hại nặng cho bộ phận nào của cây cao su?

13/ ພະຍາດເຫັດຂາວມີຜົນກະທົບຮ້າຍແຮງໃຫ້ແກ່ພາກສ່ວນໃດຂອງກົກຢາງ?

a) Thân và cành có vỏ hoá nâu

ກ. ກົກແລະຫງ່າກຳຍເປັນສີເທົາ

b) Lá non và hoa

ຂ. ໃບອ່ອນແລະດອກ

c) Rễ

ຄ. ຮາກ

d) Mặt cạo

ງ. ປາກຢາງ

Bệnh nấm hồng (3 câu)

ພະຍາດເຊື້ອລາ(3ຂໍ້)

14. Đối với bệnh nấm hồng vị trí phun thuốc nào là đúng?

14/ ກ່ຽວກັບພະຍາດເຊື້ອລາຄວນຊີດໃສ່ຈຸດໃດແມ່ນຖືກ?

a) Phun trên tán lá

ກ. ຊີດໃສ່ໃບໄມ້

b) Phun quanh gốc cây

ຂ. ຊີດອ້ອມກົກຢາງ

c) Phun phủ kín vết bệnh

ຄ. ຊີດໃສ່ຈຸດທີ່ເກີດພະຍາດ

d) Phun trên chồi non còn xanh

ງ. ຊີດໃສ່ຍອດອ່ອນ

15. Bệnh nấm hồng xuất hiện và gây hại nặng cho lứa tuổi nào của cây cao su?

15/ ພະຍາດເຊື້ອລາສ່ວນຫຼາຍແມ່ນທຳລາຍກົກຢາງທີ່ມີອາຍຸຊ້າໃດ?

a) Từ 1 đến 3 tuổi

ກ. ແຕ່ 1 ຫາ 3 ປີ

b) Từ 3 đến 8 tuổi

ຂ. ແຕ່ 3 ຫາ 8 ປີ

c) Từ 8 đến 15 tuổi

ຄ. ແຕ່ 8 ຫາ 15 ປີ

d) Trên 15 tuổi

ງ. 15 ປີຂຶ້ນໄປ

16. Hoạt chất nào có thể dùng để phòng trị bệnh nấm hồng?

16/ ຢາປະເພດໃດສາມາດປ້ອງກັນພະຍາດເຊື້ອລາ?

a) Hexaconazole

ກ. Hexaconazole

b) Validamycin

ຂ. Validamycin

c) Carbendazim

ຄ. Carbendazim

d) Câu a và b đúng

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ຖືກ

Bệnh Corynespora (4 câu)

ພະຍາດ Corynespora (4 ຂໍ້)

17. Hoạt chất nào có thể dùng để phòng trị bệnh Corynespora?

17/ ຢາປະເພດໃດສາມາດປ້ອງກັນພະຍາດ Corynespora

a) Hexaconazole

ກ. Hexaconazole

b) Validamycin

ຂ. Validamycin

c) Carbendazim

ຄ. Carbendazim

d) Câu a và c đúng

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຄ ຖືກ

18. Bệnh rụng lá Corynespora gây hại cho bộ phận nào của cây cao su?

18/ ພະຍາດໃບໄມ້ລົ້ນ Corynespora ສ້າງຜົນເສຍຫາຍພາກສ່ວນໃດຂອງກົກຢາງ

a) Lá.

ກ. ໃບ

b) Cuống lá

ຂ. ງວງໃບ

c) Chồi

ຄ. ຍອດອ່ອນ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng

ງ. ຖືກທັງສາມຂໍ້

19. Bệnh rụng lá Corynespora có thể xuất hiện và gây hại cho vườn cao su vào thời gian nào trong năm?

19/ ພະຍາດໃບໄມ້ລົ້ນ Corynespora ສ້າງຜົນເສຍຫາຍແກ່ສວນຢາງໃນຊ່ວງລະດູໃດຂອງປີ?

a) Mùa mưa dầm

ກ. ຝົນລົນ

b) Mùa khô

ຂ. ຢາມແລ້ງ

c) Mùa cây thay lá

ຄ. ໃບໄມ້ລົ້ນ

d) Quanh năm

ງ. ຕະຫຼອດປີ

20. Bệnh rụng lá Corynespora gây hại cho lứa tuổi nào của cây cao su?

20/ ພະຍາດໃບໄມ້ລົ້ນ Corynespora ສ້າງຜົນເສຍຫາຍແກ່ກົກຢາງໃນຊ່ວງອາຍຸໃດຂອງຢາງ?

a) Cây con trong vườn ương

ກ. ກົກທີ່ຍັງຢູ່ໃນສວນກ້າ

b) Cây trong thời kỳ kiến thiết cơ bản

ຂ. ກົກທີ່ໃນສວນບຸກໃໝ່

c) Cây già

ຄ. ກົກແກ່

d) Mọi lứa tuổi của cây

ງ. ທຸກປະເພດຂອງອາຍຸຂອງກົກຢາງ

Câu hỏi Thu hoạch mủ (35 câu)

ການເກັບກູ້ຢາງມີ 35 ຄຳຖາມ

Quy định chung (3 câu)

21. Tiêu chuẩn vườn cao su như thế nào thì được đưa vào cạo mủ?

21/ ມາດຕະຖານຂອງສວນຢາງປະເພດໃດແມ່ນສາມາດກີດຢາງໄດ້

a) Có trên 70% số cây đạt bề vòng thân từ 50cm trở lên và độ dày vỏ phải đạt trên 6mm đo ở vị trí cách mặt đất 1m.

ກ. ມີເກີນ 70% ທີ່ມີລວງຮອບແຕ່ 50 ຊມຂຶ້ນໄປແລະຄວາມໜາຂອງເບື້ອກຕ້ອງໃຫ້ໄດ້ 6 ມມ. ລວງສູງ 1 ມ

b) Chỉ cần đạt thời gian chăm sóc kiến thiết cơ bản 6 - 7 năm là được.

ຂ. ສວນບຸກໃໝ່ພຽງໄດ້ອາຍຸແຕ່ 6 - 7 ປີຂຶ້ນໄປແມ່ນໄດ້

c) Có 50% số cây đạt bề vòng thân 50cm .

ຄ. ມີ 50% ກົກທີ່ມີລວງຮອບ 50 ຊມ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều sai.

ງ. ທັງສາມຂໍ້ແມ່ນຜິດ

22. Tại sao phải đổi đầu cạo trong lần cạo kế tiếp?

22/ ເປັນຫຍັງຕ້ອງປ່ຽນຫົວກີດໃນເວລາກີດຄັ້ງຕໍ່ໄປ?

a) Để các cây trong phần cạo có thời gian chảy mủ tương đương nhau cho sản lượng mủ thu hoạch cao.

ກ. ເພື່ອໃຫ້ຈຳນວນກົກຢາງຂອງເບີກີດມີເວລາໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼຢ່າງສະເໝີເພື່ອໃຫ້ມີບໍລິມາດຫຼາຍ

b) Tạo điều kiện cho công nhân quản lý phần cây cạo của mình chặt chẽ hơn.

ຂ. ສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ກ/ກຸ່ມຄອງເບີກີດໄດ້ຮອບຄອບກວ່າ

c) Tránh cho cây cao su bị khô miệng cạo.

ຄ. ຫຼີກລ້ຽງກົກຢາງປາກກົກແຫ້ງ

d) Dễ kiểm tra mủ bị mất cấp.

ງ. ເພື່ອສະດວກໃນການກວດກາຢາງເສຍຫາຍ

23. Theo Quy trình Kỹ thuật Cây cao su năm 2012, chu kỳ thu hoạch mủ cây cao su ở Việt Nam được quy định là:

23/ ຕາມຫຼັກການຕົກນິກກ່ຽວກັບກົກຢາງປີ 2012, ຮອບວຽນເກັບກູ້ຢາງຂອງຫວຽດນາມໄດ້ກຳນົດຈັກປີ

a) 20 năm.

ກ. 20ປີ

b) 22 năm.

ຂ. 22ປີ

c) 25 năm.

ຄ. 25ປີ

d) 30 năm.

ງ. 30ປີ

Chế độ cạo (7 câu)

ລະບົບການກີດມີ 7ຂໍ້

24. Chế độ cạo là gì?

24/ ລະບົບການກີດແມ່ນຫຍັງ

a) Là số ngày cạo thực sự trong năm.

ກ. ແມ່ນຈຳນວນວັນກີດໃນປີ

b) Là sự kết hợp giữa chiều dài miệng cạo, nhịp độ cạo, và sử dụng chất kích thích mủ trong thu hoạch mủ.

ຂ. ແມ່ນການສົມທົບລະຫວ່າງລວງຍາວຂອງປາກກີດ, ຈັງຫວະກີດ, ແລະນ້ຳໃຊ້ສານລັງນ້ຳຢາງໃນເວລາເກັບກູ້ຜົນຜະລິດ

d) Là cơ sở để tính chi phí cạo mủ cho công nhân cạo mủ.

ຄ. ເປັນພື້ນຖານໃນການຄຳແຮງງານໃຫ້ກ/ກກີດຢາງ

e) Là một quy định của nhà nước.

ງ. ແມ່ນຂໍ້ກຳນົດໜຶ່ງຂອງລັດຖະບານ

25. Ý nghĩa của ký hiệu chế độ cạo S/4U d4 6d/7.ET 2,5% La 7/y

25/ **ຄວາມໝາຍຂອງສັນຍາລັກລະບົບການກີດ S/4U La d4 6d/7.ET 2.5% 7/y**

a) Cạo 1/4 vòng thân, một tuần cạo 4 ngày nghỉ 1 ngày, sử dụng kích thích mủ bằng Ethephon 2,5% bôi 7 lần trong năm.

ກ. ກີດ 1/4 ລວງຮອບຂອງກົກ. ນຶ່ງທິດກີດ 4ວັນພັກ 1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2,5% ທາ 7ຄັ້ງ/ປີ

b) Cạo 1/4 vòng thân, cạo miêng úp, cứ 1 ngày cạo sẽ có 3 ngày nghỉ cạo kế đó, cạo 6 ngày nghỉ 1 ngày, cạo có kết hợp bôi chất kích thích mủ Ethephon 2,5% trên miêng cạo không bóc mủ dây, bôi 7 lần trong năm.

ຂ. ກີດ 1/4 ລວງຮອບຂອງກົກ. ກີດປາກຂວັນ, ກີດ 1ວັນພັກ 3 ວັນ ຕໍ່ມາກີດ 6ວັນພັກ 1ວັນ. ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2,5% ທາເທິງປາກກີດບໍ່ກັຢາງເສັ້ນ 7 ຄັ້ງ/ປີ

c) Cạo nửa vòng thân, theo phiên cạo A, B, C, D.

ຄ. ກີດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ, ຕາມຮອບວໝກີດກ,ຂ,ຄ,ງ

d) Cạo nửa vòng thân liên tiếp trong 3 ngày, sau đó nghỉ 1 ngày, cạo có bôi thuốc kích thích Ethephon 2,5%.

ງ. ກີດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ 3ວັນ ແລ້ວພັກ 1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2,5%.

26. Ý nghĩa của ký hiệu chế độ cạo S/2 d3 6d/7.ET 2,5% Pa 4/y

26/ **ຄວາມໝາຍຂອງສັນຍາລັກລະບົບການກີດ S/2 d3 6d/7.ET 2,5% Pa 4/y**

a) Cạo nửa vòng thân, một tuần cạo 3 ngày nghỉ 1 ngày, sử dụng kích thích mủ bằng Ethephon 2,5% bôi 4 lần trong năm.

ກ. ກີດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ ນຶ່ງອາທິດກີດ 3ວັນ ແລ້ວພັກ 1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2.5% ທາ 4 ຄັ້ງ/ປີ

b) Cạo nửa vòng thân, theo phiên cạo A, B, C.

ຂ. ກີດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ, ຕາມຮອບວໝກີດກ,ຂ,ຄ

c) Cạo nửa vòng thân cây cao su, miêng cạo ngửa, cứ 1 ngày cạo sẽ có 2 ngày nghỉ cạo kế đó, cạo 6 ngày nghỉ 1 ngày, cạo có kết hợp bôi chất kích thích mủ Ethephon 2,5% trên mặt cạo tái sinh 4 lần trong năm.

ຄ. ກີດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ, ກີດປາກຫງາຍ, ກີດ 1ວັນ ແລ້ວພັກ 2ວັນ.ກີດຕໍ່ມາກີດ 6ວັນພັກ 1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2.5% ທາເທິງປາກກີດເປືອກບົ່ງໃໝ່ 4 ຄັ້ງ/ປີ

d) Cạo nửa vòng thân liên tiếp trong 3 ngày, sau đó nghỉ 1 ngày, cạo có bôi thuốc kích thích Ethephon 2,5%.

ງ. ກີດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ, ກີດປາກຫງາຍ, ກີດ 1ວັນ ແລ້ວພັກ 2ວັນ.ກີດຕໍ່ມາກີດ 6ວັນພັກ 1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2.5%

27. Ý nghĩa của ký hiệu chế độ cao S/2 d4 6d/7.ET 2,5% Pa 6/y

27/ ความหมายของสัญลักษณ์ระบบการกีดS/2 d4 6d/7.ET 2,5% Pa 6/y

a) Cao nửa vòng thân, một tuần cao 4 ngày nghỉ 1 ngày, sử dụng kích thích mủ bằng Ethephon 2,5% bôi 6 lần trong năm.

ກ. ກິດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ ນຶ່ງອາທິດກິດ 4 ວັນ ແລ້ວພັກ

1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງEthephon 2,5% ທາ 6 ຄັ້ງ/ປີ

b) Cao nửa vòng thân cây cao su, miêng cao ngửa, cứ 1 ngày cao sẽ có 3 ngày nghỉ cao kế đó, cao 6 ngày nghỉ 1 ngày, cao có kết hợp bôi chất kích thích mủ Ethephon 2,5% trên mặt cao tái sinh 6 lần trong năm.

ຂ. ກິດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ. ກິດປາກຫງາຍ. ກິດ 1ວັນ ແລ້ວພັກ 3 ວັນ.ກິດຕໍ່ມາກິດ 6ວັນພັກ 1ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2.5% ທາເທິງປາກກິດເປືອກບັງໃໝ່ 6 ຄັ້ງ/ປີ

c) Cao nửa vòng thân, theo phiên cao A, B, C, D.

ຄ. ກິດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກ, ຕາມຮອບວຽນກິດກ,ຂ,ຄ,ງ

d) Cao nửa vòng thân liên tiếp trong 3 ngày, sau đó nghỉ 1 ngày, cao có bôi thuốc kích thích Ethephon 2,5%.

ງ. ກິດເຄິ່ງລວງຮອບຂອງກົກຕື່ມອີກ 3 ວັນແລ້ວພັກ1 ວັນ.ໄຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ Ethephon 2.5%.

28. Theo lý thuyết chế độ cao có cường độ cao tương đối 100% là:

28/ ອີງຕາມທິດສະດີລະບົບການກິດມີຄວາມໜາແໜ້ນທີ່ຂັ້ນຂ້າງ100%ແມ່ນ

a) S/2 d3

ກ. S/2 d3

b) S d4

ຂ. S d4

c) S/2 d2

ຄ. S/2 d2

e) Chỉ có câu trả lời b và c là đúng

ງ. ຂໍ້ ຂ ແລະ ຂໍ້ ຄ ແມ່ນຖືກ

29. Biện pháp nào tốt nhất nhằm để gia tăng sản lượng khi cao đến tuổi cao 11?

29/ ວິທີໃດດີທີ່ສຸດໃນການເພີ່ມນ້ຳຢາງໃນການກິດຮອດອາຍຸ11?

a) Cứ tiếp tục cao trên lớp vỏ nguyên sinh dưới thấp.

ກ. ສືບຕໍ່ການກິດເປືອກທຳມະຊາດ ທີ່ຢູ່ຕໍ່າສຸດ

b) Cao úp có kiểm soát để cao lớp vỏ nguyên sinh trên cao.

ຂ. ກິດຂັ້ນມີ ມີການກວດກາເພື່ອກິດ ເປືອກທຳມະຊາດ ຢ່າງຢູ່ທີ່ສູງ

c) Cao dày dăm cho nhanh chóng hết lớp vỏ nguyên sinh dưới thấp.

ຄ. ກິດໜາແພ້ເຮັດໃຫ້ໜົດເປືອກທຳມະຊາດ ທີ່ຢູ່ຕໍ່າສຸດ

e) Cả 3 câu trên đều đúng.

ງ. ທັງ 3 ຂໍ້ ແມ່ນຖືກ

30. Cạo úp có kiểm soát được áp dụng khi nào ?

30/ ກົດບາກຂ້ອມມີການກວດກາໄດ້ນຳໃຊ້ເວລາໃດ

a) Đến tuổi cạo thứ 11 để cạo lớp vỏ nguyên sinh trên cao.

ກ. ຮອດອາຍຸກົດທີ 11 ເພື່ອກົດຊັ້ນເປືອກທຳມະຊາດ ເທິງກົກ

b) Khi lớp vỏ cạo tái sinh bên dưới u nần, chất lượng kém.

ຂ. ໃນເວລາທີ່ເປືອກຢາງເກີດໃໝ່ມີບຸດ, ຄຸນນະພາບຕ່ຳ

c) Khi lớp vỏ cạo tái sinh bên dưới cho năng suất mủ kém hoặc khô mặt cạo.

ຄ. ໃນເວລາທີ່ເປືອກຢາງເກີດໃໝ່ຂ້າງລຸ່ມໃຫ້ນ້ຳຢາງໜ້ອຍຫຼືບາກຢາງແຫ້ງ

e) Cả 3 câu đều đúng.

ງ. ທັງ 3 ຂໍ້ ແມ່ນຖືກ

Nhịp độ cạo (4 câu)

ຈັງຫວະການກົດ (ມີ 4 ຂໍ້)

31. Nhịp độ cạo là:

31/ ຈັງຫວະການກົດແມ່ນ:

a) Khoảng cách thời gian giữa hai lần cạo.

ກ. ຄວາມຮ່າງລະຫວ່າງສອງເທື່ອກົດ

b) Khoảng cách di chuyển khi cạo mủ của công nhân cạo.

ຂ. ຄວາມຫ່າງລະຫວ່າງການເຄື່ອນຍ້າຍຂອງກຳມະກອນກົດຢາງ

c) Số cây cạo chia cho mỗi công nhân cạo trong một phiên cạo.

ຄ. ຈຳນວນກົກກົດທີ່ແບ່ງໃຫ້ກ/ກໃນ 1 ເບີກົດ

d) Sự kết hợp giữa chiều dài miệng cạo và cường độ cạo.

ງ. ສົມທົບກັນລະຫວ່າງລວງຍາວຂອງບາກກົດ ແລະ ຄວາມໜາແໜ້ນ

32. Cạo tăng nhịp độ (ví dụ từ d3 tăng lên d2, d1) sẽ ảnh hưởng gì đến cây cao su?

32/ ກົດເພີ່ມຄວາມທຶ (ຕົວຢ່າງກົດ d3 ເພີ່ມຂຶ້ນເປັນ d2, d1) ຈະອິດທິຜົນກົກຢາງສິ່ງທີ່ໃດ

a) Sẽ làm mất cân bằng sinh lý trong việc cho mủ và tái tạo mủ của cây cao su, tình trạng này kéo dài sẽ làm cây cao su bị khô mặt cạo.

ກ. ຈະເຮັດໃຫ້ໝົດຄວາມສະໝໍ່າສະເໝີໃນການໃຫ້ນ້ຳຢາງ ແລະ ການຟື້ນຟູນ້ຳຢາງ. ພາບການແນວນີ້ຈະເຮັດໃຫ້ກົກຢາງບາກແຫ້ງ

b) Sẽ làm cây cao su bị rụng lá qua đông sớm hơn.

ຂ. ຈະເຮັດໃຫ້ກົກຢາງຖືກໃບລົມໃວກວ່າປົກະຕິ

c) Sức chống chịu bệnh hại của cây cao su giảm đi đáng kể.

ຄ. ມີຄວາມຕ້ານທານຕໍ່ພະຍາດຕ່ຳ

e) Khả năng gãy đổ của cây cao su cao hơn.

ງ. ມີຄວາມລົ້ມຫັກໄດ້ງ່າຍ

33. Vì sao không nên cạo với nhịp độ cạo d1 và d2?:

33/ ຄົ້ນຫ້ອງຈຶ່ງບໍ່ຄວນກີດ d1, d2

a) Vì mau hết vỏ cạo, cây bị kiệt sức sau vài năm cạo.

ກ. ຍ້ອນໝົດເປືອກກີດໄວ, ກົກຢາງໝົດແຮງຫຼັງຈາກທີ່ກີດໄດ້ໄລຍະໜຶ່ງ

b) Năng suất mủ thu hoạch thấp, hàm lượng mủ thấp.

ຂ. ບໍລິມາດນ້ຳຢາງໜ້ອຍ, ຄວາມເຂັ້ມຕ່ຳ

c) Năng suất lao động thấp.

ຄ. ຜະລິດຕະພັນການອອກແຮງງານຕ່ຳ

e) Tất cả đều đúng.

ງ. ທັງ 3 ຂໍ້ ແມ່ນຖືກ

34. Để giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động cũng như tăng năng suất lao động, áp dụng chế độ cạo nào sau đây?

34/ ເພື່ອແກ້ໄຂສະພາບການຂາດເຂີນແຮງງານກໍ່ຄືເພີ່ມສະມາດຕະພາບຂອງແຮງງານຄວນໃຊ້ກີດລະບົບໃດ

a) Cạo nhịp độ cạo d2 (2 ngày cạo 1 lần) kết hợp tăng số lần kích thích mủ hợp lý.

ກ. ລະບົບກີດ d2 (2 ວັນກີດ 1 ເທື່ອ) ສົມທົບກັບການໃຊ້ສານລ້ຽງນ້ຳຢາງຢ່າງເໝາະສົມ

b) Giữ nguyên nhịp độ cạo d3.

ຂ. ລະບົບກີດ d3

c) Cao nhịp độ cạo d4 (4 ngày cạo 1 lần) kết hợp tăng số lần kích thích hợp lý. thay vì cạo d3.

ຄ. ລະບົບກີດ d4 (4 ວັນກີດ 1 ເທື່ອ) ສົມທົບກັບການໃຊ້ສານລ້ຽງນ້ຳຢາງ ແທນທີ່ຈະກີດ d3

e) Giảm số cây cạo trên phần cạo.

ງ. ລົດຈຳນວນກົກກີດໃນເປີ

Chế độ kích thích (6 câu)

35. Tại sao khi xử lý chất kích thích mủ phải tổ chức trút mủ chiều?

35/ ຄົ້ນຫ້ອງໃນເວລາໃຊ້ສານລ້ຽງນ້ຳຢາງຈຶ່ງກູ້ຢາງໃນຍາມແລງ

a) Kích thích mủ kéo dài thời gian chảy mủ.

ກ. ກະຕຸ້ນໃຫ້ນ້ຳຢາງໃຊ້ເວລາໄຫຼຫຼາຍ

b) Tránh mủ bị rửa trôi khi có mưa vào buổi chiều.

ຂ. ຫຼີກລ້ຽງການທີ່ຖືກນ້ຳຝົນໃນຍາມແລງ

c) Cả 2 câu a, b đều đúng.

ຄ. ທັງ ກ ຂໍ້ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

e) Cả 2 câu a, b đều sai

ງ. ທັງ ກ ຂໍ້ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຜິດ

36. Hãy cho biết, để đáp ứng của chất kích thích đối với sản lượng tốt nhất, thời gian bôi chất kích thích trước nhất cạo kế tiếp là bao lâu?

36/ ຈົ່ງໃຫ້ຮູ້ ການນຳໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງໃຫ້ໄດ້ດີທີ່ສຸດ ເຮົາຄວນໃຊ້ໃນເວລາກ່ອນກິດຈັກຊົ່ວໂມງ

a) 12 - 24 giờ.

ກ. 12-24ຊມ

b) 24 - 48 giờ.

ຂ. 24-48ຊມ

c) 48 - 72 giờ.

ຄ. 48-72ຊມ

e) 72 - 96 giờ.

ງ. 72-96ຊມ

37. Đối với vùng có hai mùa mưa nắng rõ rệt (Đông Nam Bộ, Tây Nguyên...) thời vụ thích hợp để áp dụng kích thích mủ là khi nào:

37/ ທຽບກັບເຂດທີ່ມີ ລະດູແລ້ງແລະລະດູຝົນຢ່າງຊັດເຈນ(ພາກໃຕ້ຕາເວັນອອກ,ເຂດເນີນສູງ..) ເຮົາຄວນໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງໃນເດືອນໃດ

a) Tháng 1, 6, 7, 10, 11, 12.

ກ. ເດືອນ 1, 6, 7, 10, 11, 12.

b) Tháng 5, 6, 7, 10, 11, 12.

ຂ. ເດືອນ 5, 6, 7, 10, 11, 12.

c) Tháng 1, 5, 9, 10, 11, 12.

ຄ. ເດືອນ 1, 5, 9, 10, 11, 12

e) Tháng 3, 5, 9, 10, 11, 12

ງ. ເດືອນ 3, 5, 9, 10, 11, 12

38. Đối với cao su (duyên hải miền Trung, miền núi phía Bắc) thời điểm nào thích hợp để bôi chất kích thích mủ:

38/ ທຽບກັບຢາງພາລາ(ເຂດພາກກາງ,ພູສູງພາກເຫນືອ)ເຮົາຄວນໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງໃນ

ເດືອນໃດ

a) Tháng 1, 6, 7, 10, 11, 12.

ກ.ເດືອນ 1, 6, 7, 10, 11, 12.

b) Tháng 5, 6, 7, 10, 11, 12

ຂ. ເດືອນ 5, 6, 7, 10, 11, 12

c) Tháng 5, 6, 7, 8, 9 và 10

ຄ. ເດືອນ 5, 6, 7, 8, 9 và 10

e) Tháng 2, 5, 9, 10, 11, 12

ງ. ເດືອນ 2, 5, 9, 10, 11, 12

39. Hiện nay phương pháp bôi kích thích nào áp dụng phổ biến cho miệng cạo ngựa, để áp dụng, hiệu quả đáp ứng kích thích cao?

39/ ປະຈຸບັນຮູບການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງທີ່ມີປະສິດທິພາບໃຊ້ສຳລັບປາກກິດຫງາຍແມ່ນທາໃສ່ຈຸດໃດ

a) La (Bôi trên miệng cạo không bóc mủ dây).

ກ. LA(ທາເທິງປາກກິດບໍ່ກັ່ງຢາງເສັ້ນ)

b) Pa (Bôi trên vỏ tái sinh sát miệng cạo).

ຂ. PA(ທາຢູ່ເທິງເປືອກບົ່ງໃໝ່ໄກ້ປາກກິດ)

c) Ba (Bôi trên vỏ nạo).

ຄ. Ba (ທາເທິງເປືອກກິດ)

e) Ga (Bôi trên miệng cạo có bóc mủ dây).

ງ. Ga (ທາເທິງປາກກິດໂດຍກັ່ງເອົາຢາງເສັ້ນ)

40. Hiện nay phương pháp bôi kích thích nào áp dụng phổ biến cho miệng cạo úp, để áp dụng, hiệu quả đáp ứng kích thích cao?

40/ ປະຈຸບັນຮູບການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງທີ່ມີປະສິດທິພາບໃຊ້ສຳລັບປາກກິດຂວັມແມ່ນທາໃສ່ຈຸດໃດ

a) La (Bôi trên miệng cạo không bóc mủ dây).

ກ. LA(ທາເທິງປາກກິດບໍ່ກັ່ງຢາງເສັ້ນ)

b) Pa (Bôi trên vỏ tái sinh sát miệng cạo).

ຂ. Pa (ທາຢູ່ເທິງເປືອກບົ່ງໃໝ່ໄກ້ປາກກິດ)

c) La (Bôi trên vỏ nạo).

ຄ. La (ທາເທິງເປືອກຊຸດ)

d) La (Bôi trên miệng cạo có bóc mủ dây).

ງ. La (ທາເທິງປາກກິດໂດຍກັ່ງເອົາຢາງເສັ້ນ)

Quy hoạch vẽ (3 câu)

ການຈັດເປືອກ (ມີ 3 ຂໍ້)

41. Ý nghĩa của ký hiệu mặt cạo BO-1?

41/ ຄວາມໝາຍຂອງສັນຍາລັກປາກກິດ BO-1 ແມ່ນຫຍັງ

a) Chữ B Là ký hiệu của mặt cạo thấp

ກ. ຕົວ B (ເປັນສັນຍາລັກປາກກິດຕ່ຳ)

b) Chữ O Là ký hiệu vỏ nguyên sinh.

ຂ. ຕົວ O (ແມ່ນສັນຍາລັກເປືອກທຳມະຊາດ)

c) Số 1 Là mặt cạo thứ nhất.

ຄ. ຕົວ 1 (ແມ່ນປາກກິດທີ ນຶ່ງ)

e) Tất cả đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

42. Giải thích ký hiệu mặt cạo HO-4?

42/ ອະທິບາຍສັນຍາລັກຂອງປາກກິດ HO-4 ແມ່ນຫຍັງ

a) Cao trên mặt cạo cao, vỏ nguyên sinh, mặt cạo thứ 4.

ກ. ກິດເທິງໜ້າກິດສູງ, ເປືອກທຳມະຊາດ ປາກກິດທີ 4

b) Cạo trên mặt cạo thấp, vỏ nguyên sinh, mặt cạo thứ 4.

ຂ. ກິດເທິງໜ້າກິດຕ່ຳ, ເປືອກທຳມະຊາດ ປາກກິດທີ 4

c) Cạo trên mặt cạo cao, vỏ tái sinh, mặt cạo thứ 4.

ຄ. ກິດເທິງໜ້າກິດສູງ, ເປືອກບົ່ງໃໝ່ ປາກກິດທີ 4

e) Cả 3 câu đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

43. Giải thích ký hiệu mặt cạo HO-2?

43/ ອະທິບາຍສັນຍາລັກຂອງປາກກິດ HO-2 ແມ່ນຫຍັງ

a) Cao trên mặt cạo cao, vỏ nguyên sinh, mặt cạo thứ 2.

ກ. ກິດເທິງໜ້າກິດສູງ, ເປືອກທຳມະຊາດ ປາກກິດທີ 2

b) Cạo trên mặt cạo thấp, vỏ nguyên sinh, mặt cạo thứ 2.

ຂ. ກິດເທິງໜ້າກິດຕ່ຳ, ເປືອກທຳມະຊາດ ປາກກິດທີ 2

c) Cạo trên mặt cạo cao, vỏ tái sinh, mặt cạo thứ 2.

ຄ. ກິດເທິງໜ້າກິດສູງ, ເປືອກບົ່ງໃໝ່ ປາກກິດທີ 2

e) Cả 3 câu đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Chia phần cạo (1 câu)

ແບ່ງເປືກິດ(1 ຂໍ້)

44. Việc chia số cây cạo cho mỗi phần cây thường dựa vào các yếu tố:

44/ ການແບ່ງກິດກິດໃນເປືກິດ ບົກກະຕິແມ່ນອີງໃສ່ຈຸດພິເສດໃດ

a) Điều kiện địa hình vườn cây..

ກ. ເງື່ອນໄຂຂອງສະພາບສວນຢາງ

b) Mật độ cây cạo.

ຂ. ຄວາມໜາແໜ້ນຂອງກິດຢາງ

c) Tuổi cây, tình trạng vỏ cạo, chế độ cạo áp dụng.

ຄ. ອາຍຸຂອງຢາງ, ສະພາບເປືອກຢາງ

e) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Trang bị vật tư (5 câu)

ຕິດຕັ້ງວັດຖຸປະກອນ (ມີ 5 ຂໍ້)

45. Vì sao khi trút mủ phải dùng vết mủ?

45/ ເປັນຫຍັງເວລາກູ້ຢາງຈຶ່ງຕ້ອງໃຊ້ກວດນ້ຳຢາງ

a) Dùng vết để hạn chế mủ đông sớm trong chén...

ກ. ເພື່ອລົດຜ່ອນການກ້າມຂອງນ້ຳຢາງໄວໃນຖ້ວຍ

b) Dùng vết để tận thu mủ trong chén.

ຂ. ເພື່ອເກັບກູ້ຢາງໃຫ້ໝົດໃນຖ້ວຍ

c) Dùng vết để tăng hàm lượng mủ lên.

ຄ. ເພື່ອເພີ່ມຄວາມເຂັ້ມຂອງຢາງ

e) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

46. Các yêu cầu sử dụng của dao cạo mủ?

46/ ກໍລະນີໃນການນຳໃຊ້ມືດກິດຢາງທີ່ມີຄຸນນະພາບ

a) Dao phải làm bằng thép không gỉ, cứng chắc.

ກ. ມືດຕ້ອງເຮັດດ້ວຍເຫຼັກທີ່ບໍ່ເປັນສະຫຼັມ, ແກ່ງ

b) Dao phải có cán làm bằng gỗ cứng chắc thuận tiện cho việc điều khiển khi cạo mủ.

ຂ. ມືດຕ້ອງມີດ້າມທີ່ເຮັດດ້ວຍໄມ້ແຂງແກ່ງສະດວກໃນການກິດ

c) Dao phải làm bằng thép có chất lượng tốt, giữ sạch sẽ, được mài bén thường xuyên, mũi dao phải được dây nắp an toàn.

ຄ. ມືດຕ້ອງເຮັດດ້ວຍເຫຼັກທີ່ມີຄຸນນະພາບດີ, ສະອາດ, ຝົນໃຫ້ຄົມຢາງສະໝໍ່າສະເໝີ, ຕ້ອງມີຊັບອັດຢ່າງປອດໄພ

e) Dao phải cạo được cả miệng cạo xuôi lẫn miệng cạo ngược.

ງ. ມືດແມ່ນສາມາດກິດໄດ້ທັງບາກກິດຫງາຍແລະຂວ້ມ

47. Vật tư trang bị cho cây cạo bao gồm:

47/ ວັດຖຸປະກອນທີ່ຕິດຕັ້ງໃຫ້ສວນຢາງມີ?

a) Kiềng, máng hứng mủ và chén.

ກ. ເທັກຮອງຖ້ວຍຢາງ, ຮາງລົນ, ຖ້ວຍຢາງ

b) Máng chắn nước mưa.

ຂ. ແຜ່ນກັນຝົນ

c) Mái che hoặc màn phủ chén.

ຄ. ກັນສາດປົກບໍ່ໃຫ້ນ້ຳຝົນຖືກ

e) Cả 3 câu trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

48. **Vì sao phải gắn máng chắn nước mưa cho cây cao?**

48/ ເປັນຫຍັງຕ້ອງຕິດຕັ້ງແຜ່ນກັນນ້ຳຝົນໃຫ້ກົກຢາງ?

a) Để ngăn và hạn chế nước mưa chảy từ trên tán lá xuống làm ẩm ướt mặt cao.

ກ. ເພື່ອກັນບໍ່ໃຫ້ນ້ຳຝົນຢູ່ເທິງໄຫຼເຮັດໃຫ້ບາກກົດບຽກ

b) Bảo vệ mặt cao và miệng cao không bị ẩm ướt để có thể cao bình thường vào mùa mưa.

ຂ. ບັງກັນບາກກົດບໍ່ໃຫ້ມີຄວາມຊື່ນບຽກ ເພື່ອສາມາດກົດໄດ້ໃນຍາມຝົນ

c) Hạn chế thất thu sản lượng mủ trong mùa mưa.

ຄ. ມີສ່ວນເພີ່ມບໍລິມາດຂອງນ້ຳຢາງໃນຍາມຝົນ

d) Cả 3 câu trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

49. **Khi cao tận thu công nhân cần phải trang bị những vật tư dụng cụ gì?**

49/ ໃນເວລາກົດ ເພື່ອສະສາງຕົ້ນຢາງກຳມະກອນຕ້ອງຕິດຕັ້ງອຸປະກອນຫຍັງແນ່?

a) Dao cao mủ có cán dài, có thể thay đổi chiều dài cán dao được. Dây dẫn mủ bằng chỉ hoặc dây bẹ bằng nylon.

ກ. ມີດກົດຢາງມີດ້າມຍາວ, ສາມາດປ່ຽນດ້ານທີ່ຍາວກວ່າໄດ້, ມີສາຍເຊືອກນິລອນສົ່ງນ້ຳຢາງ

b) Dụng cụ bôi dùng để bôi chất kích thích trên cao.

ຂ. ມີອຸປະກອນທີ່ສາມາດທາສານລ້ງນ້ຳຢາງທີ່ສູງ

c) Dụng cụ dùng để đóng máng trên cao, máng dài 10 cm có đục lỗ.

ຄ. ມີອຸປະກອນທີ່ສາມາດເຮັດແຜ່ນກັນຝົນທີ່ສູງ, ແຜ່ນກັນຝົນຍາວ 10 ຊມມີເຈາະຮູ

e) Cả ba câu trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Thiết kế miệng úp (3 câu)

ອອກແບບປາກກົດຂ້ວມມື 3 ຂໍ້

50. **Với Cao úp có kiểm soát, miệng tiền được thiết kế cách mặt đất:**

50/ ກັບປາກກົດຂ້ວມມືການກວດກາອອກແບບຮ່າງຈາກໜ້າດິນເທົ່າໃດ?

a) Từ 1,3m- 2,0m

ກ. ແຕ່ 1.3ມຫາ 2ມ

b) Từ 2m trở lên.

ຂ. ແຕ່ 2ມຂຶ້ນໄປ

c) Tùy thời điểm mở cao và đặc tính giống mà thiết kế hợp lý từ 1,3m trở lên.

ຄ. ຂຶ້ນກັບໄລຍະເວລາເປີດປາກກົດ, ຈຸດພິເສດຂອງແນວພັນອອກແບບຢາງເໝາະສົມ ແຕ່ 1,3ມຂຶ້ນໄປ

d) Cả 3 đều sai.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

51. Các yêu cầu cơ bản để tránh mũ chảy lan ra mặt cạo khi cạo úp là:

51/ ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງການໄຫຼລົ້ນອອກຈາກບາກກິດໃນເວລາກິດຂ້ວມ

a) Độ dốc miệng cạo úp đạt 45 độ.

ກ. ຄວາມງ່ຽງຂອງບາກກິດຂ້ວມ ຕ້ອງໄດ້ 45ອົງສາ

b) Miệng cạo úp phải có lòng máng.

ຂ. ບາກກິດຂ້ວມຕ້ອງມີໃສ່ຮາງລີນ

c) Làm máng đỡ dẫn mũ chảy lan ngay bên dưới miệng cạo úp..

ຄ. ເຮັດແຜ່ນກັນຟົນເພື່ອບໍ່ໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼລົ້ນອອກຈາກບາກກິດຂ້ວມ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

52. Vì sao khi thiết kế 2 miệng cạo trên cùng mặt cạo, khoảng cách tối thiểu của 2 miệng cạo ít nhất 30cm?

52/ ເປັນຫຍັງເວລາອອກແບບ 2 ບາກກິດ ໃນນ້ຳດຽວ, ຄວາມຮ່າງຂອງ 2 ບາກກິດນ້ອຍສຸດ ແມ່ນ 30 ຊມ?

a) Để tránh sự trùng lặp của vùng huy động mũ 2 miệng cạo, hạn chế khả năng cho sản lượng mũ.

ກ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງ ການກິດລ້ຳ ຂອງ 2 ບາກກິດ, ຫຼຸດຜ່ອນຄວາມສາມາດໃຫ້ບໍລິມາດນ້ຳຢາງ

b) Để dễ kiểm soát kỹ thuật cạo cho từng miệng cạo.

ຂ. ເພື່ອສະດວກໃນການກວດກາຕົກນິກກິດຂອງແຕ່ລະບາກກິດ

c) Tránh sự lây lan của bệnh mặt cạo.

ຄ. ຫຼີກລ້ຽງການລະບາດຂອງບາກກິດ

d) Tiết kiệm vật tư trang bị cho cây cạo su.

ງ. ປະຫຍັດອຸປະກອນໃຫ້ແກ່ກົກຢາງ

Thiết kế miệng ngửa (3 câu)

ອອກແບບບາກກິດຫງາຍມື 3 ຂໍ້

53. Vì sao miệng cạo ngửa được thiết kế dốc xuống so với trục nằm ngang từ trái sang phải?

53/ ເປັນຫຍັງບາກກິດຫງາຍຈຶ່ງອອກແບບຄ້ອຍລົງທຽບກັບແສ້ນນອນຂວາງແຕ່ຊ້າຍຫາຂວາ?

a) Vì cắt được nhiều mach mũ nhất.

ກ. ເພື່ອຕັດໄດ້ຫງາຍທໍ່ນ້ຳຢາງ

b) Vì yêu cầu của tư thế cạo mũ.

ຂ. ຍ້ອງຄວາມຕ້ອງການຂອງທ່າກິດ

c) Vì theo truyền thống từ xưa để lại.

ຄ. ຕາມຄວາມຊື່ນເຄີຍແຕ່ໃດມາ

d) Vì sẽ tạo dễ dàng cho việc huy động mũ trong cây cạo su.

ງ. ເພື່ອສະດວກໃນການລະດົມນ້ຳຢາງຂອງກົກຢາງ

54. Hiện nay cây cao su mới mở cạo được thiết kế miệng tiền cách mặt đất bao nhiêu cm?

54/ ປະຈຸບັນກົກຢາງທີ່ເປີດປາກກິດໃໝ່ໄດ້ອອກແບບປາກກິດຮ່າງຈາກໜ້າດິນເທົ່າໃດ?

a) 100 cm

ກ. 100ຊມ

b) 120 cm

ຂ. 120ຊມ

c) 130 cm

ຄ. 130ຊມ

d) 150 cm

ງ. 150ຊມ

55. Kỹ thuật khơi mương tiền?

55/ ຕົກນິກເລີ່ມຕົ້ນກິດລ່ຽມມູມເທິງ?

a) Khơi mương tiền từ miệng cao tới vị trí cắm máng sâu đến lớp da cát mịn theo kiểu 'đầu voi đuôi chuột', mương tiền phải thẳng góc với mặt đất.

ກ. ແມ່ນການເປີດປາກກິດແຕ່ຈຸດເລີ່ມຕົ້ນຈົນຮອດຮາງລົນ, ຮອດລັ້ນເປືອກຊາຍ (ຫວັງກັ້ນໜູ) ຮ່ອງຕອ້ງຊີ້

b) Rạch lại mương tiền, ranh hậu cho rõ ràng, điều chỉnh máng thẳng góc với trục thân cây cao su.

ຂ. ກິດຄືນຮ່ອງໄຫຼຂອງນ້ຳຢາງ, ປາກເທິງຕອ້ງຊັດເຈນ, ແບງຮາງລົນໃຫ້ຊື່ກັບກົກຢາງ

c) Điều chỉnh lại vị trí của máng với miệng tiền sau một thời gian cạo mủ.

ຄ. ແບງຄືນຈຸດຂອງຮາງລົນກັບກົກຢາງກັບປາກເທິງພາຍຫຼັງໄດ້ໄລຍະເວລາໃດນຶ່ງ

d) Câu a và c đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

Yêu cầu kỹ thuật (45 câu)

Độ sâu (6 câu)

ຄວາມເລິກ ມີ 6 ຂໍ້

56. Mức độ và phạm vi tái sinh vỏ cạo tùy thuộc vào các yếu tố:

56/ ລະດັບຂອງເປືອກທີ່ບົ່ງໃໝ່ ແມ່ນຂຶ້ນກັບບັດໃຈໃດແນ່?

a) Đặc tính giống cao su, điều kiện bón phân chăm sóc vườn cây.

ກ. ຂຶ້ນກັບຈຸດພິເສດຂອງແນວພັນ, ເງື່ອນໄຂໃນການບົວລະບັດຮັກສາ ໃສ່ຜຸ່ນ

b) Điều kiện khí hậu, mật độ trồng và tình trạng bệnh hại.

ຂ. ສະພາບພູມິອາກາດ, ຄວາມໜາແໜ້ນຂອງການປູກ, ພະຍາດ

c) Chế độ cạo và cường độ cạo.

ຄ. ລະບົບການກິດ, ຄວາມໜາແໜ້ນກິດ

d) Tất cả đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

57. Yêu cầu độ dày vỏ tối thiểu để mở miệng cạo cây cao su có hiệu quả là:

57/ ຄວາມໜາຂອງເປືອກທີ່ໃດຈຶ່ງຈະສາມາດກີດໄດ້?

a) 5 mm

ກ. 5ມມ

b) 6 mm

ຂ. 6ມມ

c) 7 mm

ຄ. 7ມມ

d) 8 mm

ງ. 8ມມ

58. Vì sao cạo cạo không thu hoạch được nhiều mủ?

58/ ເປັນຫຍັງກີດຕົ້ນຈຶ່ງບໍ່ໄດ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍ?

a) Vì không phát huy được vùng huy động mủ.

ກ. ຍ້ອນບໍ່ສາມາດເຮັດໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼມາລວມກັນໄດ້

b) Vi cạo cạo không cắt được nhiều mạch mủ nằm tập trung ở vùng sát tương tầng (1,0-1,3mm).

ຂ. ກີດຕົ້ນແມ່ນບໍ່ສາມາດຕັດທໍ່ນ້ຳຢາງໄດ້ຫຼາຍ, ທໍ່ນ້ຳຢາງແມ່ນນອນລວມກັນຢູ່ລັ້ນເປືອກຮ່າງຈາກເນື້ອໄມ້1,0-1,3ມມ

c) Vì cạo cạo không đủ lực để làm mủ chảy..

ຄ. ຍ້ອນກີດຕົ້ນບໍ່ມີຄວາມແຮງພໍທີ່ຈະເຮັດໃຫ້ນ້ຳຢາງໄຫຼ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

59. Chạm vào gỗ là cạo phạm, mức độ vết phạm như thế nào là cạo phạm nặng:

59/ ການກີດຖືກແກ່ນໃນລະດັບໃດແມ່ນໜັກ?

a) Chiều dài > 5mm, chiều rộng > 3mm

ກ. ລວງຍາວ > 5ມມ , ລວງກວ້າງ > 3ມມ

b) Chiều dài > 5mm, chiều rộng < 3mm

ຂ. ລວງຍາວ > 5ມມ , ລວງກວ້າງ < 3ມມ

c) Chiều dài < 5mm, chiều rộng > 3mm

ຄ. ລວງຍາວ < 5ມມ , ລວງກວ້າງ > 3ມມ

d) Chiều dài < 5mm, chiều rộng < 3mm

ງ. ລວງຍາວ < 5ມມ , ລວງກວ້າງ < 3ມມ

60/ ຄວາມເລືກໃນການກິດໄດ້ກຳນົດ ຮ່າງຈາກເນື້ອໄມ້ ເທົ່າໃດ?

- 61. Tại sao phải cạo đúng độ sâu cách tượng tầng 1,0 – 1,3 mm**

໑. ຖືກທ້າ 3 ຂໍ້

ເປື້ອງໜ້າກິດ ມີ 7 ຂໍ້

໑. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

63. ສະດັບເປືອງໜ້າກົດຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນການກົດ d3 ແມ່ນໃນລະຫວ່າງຈັກມິນ?

63/ ລະດັບເປືອງໜ້າກົດຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນການກົດ d3 ແມ່ນໃນລະຫວ່າງຈັກມິນ?

a) ເຖິງ 1,1 – 1,5 mm/ລ້ານ ຄວາມ

ກ. ທຽບກັບກົດປາກຫຼາຍລະດັບເປືອງໜ້າກົດ ແມ່ນແຕ່ 1,1 -1,5mm/ເທື່ອກົດ

b) ເຖິງ 2 mm/ລ້ານ ຄວາມ

ຂ. ທຽບກັບກົດປາກຂວັນມີການກວດກາລະດັບເປືອງໜ້າ ແມ່ນບໍ່ເກີນ 2mm/ເທື່ອກົດ

c) ເຖິງ 3 mm/ລ້ານ ຄວາມ

ຄ. ທຽບກັບກົດປາກຂວັນນອກສາຍຕາກວດກາລະດັບເປືອງໜ້າ ແມ່ນແຕ່ 3mm/ເທື່ອກົດ

d) ທັງ 3 ຂໍ້

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

64. ສະດັບເປືອງໜ້າກົດສູງສຸດ/ປີກັບລະບົບການກົດ S/2 d3 6d/7 ແມ່ນເທົ່າໃດ?

64/ ກຳນົດລະດັບເປືອງໜ້າກົດສູງສຸດ/ປີກັບລະບົບການກົດ S/2 d3 6d/7 ແມ່ນເທົ່າໃດ?

a) 15 cm

ກ. 15mm

b) 16 cm

ຂ. 16mm

c) 17 cm

ຄ. 17mm

d) 18 cm

ງ. 18mm

65. ສະດັບເປືອງໜ້າກົດສູງສຸດ/ປີກັບລະບົບການກົດ S/2 d4 6d/7 ແມ່ນເທົ່າໃດ?

65/ ກຳນົດລະດັບເປືອງໜ້າກົດສູງສຸດ/ປີກັບລະບົບການກົດ S/2 d4 6d/7 ແມ່ນເທົ່າໃດ?

a) 15 cm

ກ. 15mm

b) 16 cm

ຂ. 16mm

c) 17 cm

ຄ. 17mm

d) 18 cm

ງ. 18mm

66. Vì sao không được cạo dày dăm?

66/ ເປັນຫຍັງບໍ່ອະນຸຍາດໃຫ້ກີດໜ້າໜາ?

a) Cạo dày dăm sẽ làm cho cây cao su bị đông mủ ngay trên miệng cạo

ກ. ກີດໜ້າໜາຈະເຮັດໃຫ້ກົກຢາງຖືກກ້າມທັນທີເທິງປາກກີດ

b) Cạo dày dăm sẽ làm kiệt cây cao su.

ຂ. ຈະເຮັດໃຫ້ກົກຢາງໝົດແຮງ

c) Cạo dày dăm sẽ làm tiêu hao nhiều vỏ cao mà không tăng được sản lượng mủ, hậu quả là phá vỡ quy hoạch vỏ cao.

ຄ. ຈະເຮັດໃຫ້ເປືອງເປືອກກີດແຕ່ບໍ່ເຮັດໃຫ້ໄດ້ນ້ຳຢາງຫຼາຍ, ນ້ຳຜົນເສຍຫຼາຍໃຫ້ແກ່ກຳນົດປາກກີດ

d) Cạo dày dăm dễ làm cho cây cao su bị khô miệng cạo

ງ. ຈະເຮັດໃຫ້ປາກຢາງແຫ້ງ

67. Mức hao dăm tối đa cho phép lúc cạo xả là

67/ ລະດັບເປືອງສູງສຸດໃນການກີດເປີດປາກແມ່ນເທົ່າໃດ?

a) 2 mm

ກ. 2 ມມ

b) 2 cm

ຂ. 2 ຊມ

c) Từ 1,1 cm -1,5 cm

ຄ. ແຕ່ 1.1 ຊມ ຫາ 1,5 ຊມ

d) Dưới 3 cm

ງ. ຕໍ່າກວ່າ 3 ຊມ

68. Lý do phải rạch đường không chế hao dăm từng quý, từng tháng trên vỏ cây cao su cạo mủ?

68/ ເຫດຜົນທີ່ຈະຕ້ອງກີດໜາຍກຳນົດລະດັບການເປືອງຂອງເປືອກໃນແຕ່ລະໄຕມາດ, ເດືອນແມ່ນຍ້ອນຫຍັງ?

a) Để bảo đảm yêu cầu quy hoạch vỏ cao trong dài hạn và giúp cho người công nhân cao mủ giữ được độ dốc miệng cao theo quy định.

ກ. ເພື່ອຮັບປະກັນໃນການຈັດສັນປາກກີດໃນໄລຍະຍາວນານ, ແລະ ຊ່ວຍໃຫ້ ກ/ກ ກີດຢາງຮັກສາໄດ້ຄວາມທົ່ງຂອງປາກກີດຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດ

b) Để người công nhân cao mủ phát hiện được đường cạo của mình.

ຂ. ເພື່ອເຮັດໃຫ້ກ/ກເຫັນໄດ້ທິດທາງກີດຂອງຕົນເອງ

c) Để dễ kiểm tra độ hao dăm cao

ຄ. ເພື່ອສະດວກໃນການກວດກາ

d) Để hạn chế việc bỏ cây cao của công nhân cao mủ.

ງ. ເພື່ອລົດຜ່ອນການປະເບີກີດຂອງກ/ກ

Tiêu chuẩn đường cạo (2 câu)

ມາດຕະຖານຂອງທາງກົດມີ 2 ຂໍ້

69. Tiêu chuẩn đường cạo:

69/ ມາດຕະຖານທາງກົດ

a) Theo đúng thiết kế lúc mở cạo.

ກ. ຖືກຕ້ອງຕາມການອອກແບບໃນເວລາທີ່ເປີດປາກກົດ

b) Đúng độ dốc quy định, có lòng máng, vuông tiền, vuông hậu; không lượn sóng, lệch miệng, vượt ranh.

ຂ. ຖືກຕ້ອງຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດ, ມີຮອ່ງ, ມຸມລ່ຽມເທິງ, ມຸມລ່ຽມລຸ່ມ, ບໍ່ເປັນຄື້ນ, ກາຍແດນ

c) Đúng độ sâu quy định, có lòng máng, vuông góc, không lượn sóng, lệch miệng.

ຄ. ຄວາມເລິກໄດ້ຕາມກຳນົດ, ມີຮອ່ງ, ມຸມລ່ຽມເທິງ, ມຸມລ່ຽມລຸ່ມ, ບໍ່ເປັນຄື້ນ, ກາຍແດນ

d) Đúng độ hao dăm quy định, độ dốc bảo đảm, không bị lệch miệng.

ງ. ຖືກຕ້ອງຕາມລະດັບຄວາມເປືອງເປືອກກົດ, ຄວາມເນື້ອຮັບປະກັນ

70. Vì sao phải cạo vuông tiền vuông hậu?

70/ ເປັນຫຍັງຕ້ອງກົດ ໃຫ້ໄດ້ມຸມລ່ຽມໜ້າ ລ່ຽມຫຼັງ?

a) Để tránh cho cây cao su khỏi bị khô miệng cạo

ກ. ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງບໍ່ໃຫ້ກົກຢາງຖືກປາກແຫ້ງ

b) Cao vuông tiền vuông hậu để phát huy vùng huy đông mủ của cây cao su và thu được nhiều mủ hơn.

ຂ. ກົດໄດ້ມຸມລ່ຽມໜ້າ ລ່ຽມຫຼັງເປັນເງື່ອນໄຂທີ່ສາມາດລ່ຽມທໍ່ນ້ຳຢາງໄດ້ດີແລະ ໄດ້ຫາຍຂຶ້ນ

c) Cạo vuông tiền vuông hậu để giữ cho mặt cạo đẹp

ຄ. ກົດໄດ້ມຸມລ່ຽມ ໜ້າ ລ່ຽມຫຼັງແມ່ນເຮັດໃຫ້ປາກຢາງງາມ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều sai.

ງ. ຜິດທັງ 3 ຂໍ້

Công việc (3 câu)

ວຽກງານມີຂໍ້

71. Trong mùa rụng lá qua đông hàng năm của cây cao su, khi nào nghỉ cạo?

71/ ໃນລະດູໃບໄມ້ລົ້ນຂອງກົກຢາງແມ່ນຍາມໃດໃຫ້ຢຸດກົດ?

a) Nghỉ cạo lúc lá mới ra lại bắt đầu vào giai đoạn lá nhú chân chim

ກ. ໃນເວລາທີ່ໃບໄມ້ກຳລັງປົ່ງໃໝ່

b) Nghỉ toàn vườn khi có 30% số cây có lá nhú chân chim.

ຂ. ຢຸດກົດທັງໝົດມື້ອະທິບາຍຈຳນວນກົກໃນສວນຢາງ ມີ 30% ໃບໄມ້ ປົ່ງຍອດອອ່ນ

c) Vườn cây nào rụng lá trước thì nghỉ cạo trước.

ຄ. ສວນໃດໃບໄມ້ລົ້ນກ່ອນແມ່ນຢຸດກົດກ່ອນ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

72. Những việc cần làm của công nhân cao mủ hàng năm trước mùa nghỉ cao?

72/ ບັນດາວຽກທີ່ ກ/ກ ກິດຢ່າງຕ້ອງເຮັດທຸກໆ ປີ ກ່ອນ ຍຸດກິດ

a) Tích cực cao để lấy sản lượng gủi đầu cho kế hoạch sẽ nhận năm sau

ກ. ພະຍາຍາມກິດໃຫ້ໄດ້ນ້ຳຢ່າງຫຼາຍເພື່ອໃຫ້ໄດ້ຕາມແຜນການທີ່ໄດ້ຮັບໃນປີຕໍ່ມາ

b) Vệ sinh phần cây cao của mình, tân thu hết mủ tap, mủ đất. Gom kiềng, chén, máng làm vệ sinh sạch sẽ, cất giữ nơi an toàn. Quét don, gom lá, làm đường ngăn lửa chống cháy cho vườn cây

ຂ. ອານາໄມເປີກິດຂອງຕົນເອງ, ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ, ທອ້ນໂຮມຄຽງ, ຖວ້ຍ, ຮາງ. ແຕ່ລະສະນິດຕ້ອງອານາໄມໃຫ້ສະອາດເກັບມຽນຮັກສາໄວ້ບ່ອນປອດໄພ, ປັດກວາດໃບຢາງ, ຕັດທາງສະກັດກັ້ນດ້ານໄພໃໝ່ໃຫ້ແກ່ສວນຢາງ

c) Thu gom mủ tap, mủ đất phòng chống cháy trong mùa khô cho vườn cây

ຄ. ເກັບກຳຮິບຮົມເອົາໃຫ້ໝົດບັນດາຢາງກ້າມ, ຢາງຕົກດິນ ແລະ ດ້ານໄພໃໝ່ໃນລະດູແລ້ງໃຫ້ແກ່ສວນຢາງ

d) Bàn giao phần cây cho bảo vệ vườn cây để nghỉ cao.

ງ. ມອບໝາຍເປີຢາງໃຫ້ປ້ອງກັນຮັກສາເພື່ອຈະໄດ້ຜັກກິດຢາງ

73. Nguyên nhân làm mủ bị đông sớm trong chén làm giảm chất lượng mủ nước thu hoạch:

73/ ສາຍເຫດທີ່ເຮັດໃຫ້ນ້ຳຢາງກ້າມໃນຖວ້ຍໄວ?

a) Do vi phạm kỹ thuật cao.

ກ. ຍອ້ນຜິດພາດທາງດ້ານຕົກນິກ

b) Do thay đổi chế độ cao

ຂ. ຍອ້ນປ່ຽນແປງລະບົບກິດ

c) Do sử dụng chất kích thích.

ຂ. ຍອ້ນໃຊ້ສານແລ້ງນ້ຳຢາງ

d) Do trong mủ có lẫn các vi sinh vật khi tiêu thu các prôtêin, cácbohydrat, đường, các chất hữu cơ trong mủ, sẽ tạo ra các axit dễ bay hơi làm đông mủ.

ງ. ຍອ້ນຢູ່ໃນນ້ຳຢາງມີການປະປົນຈຸລິນຊີໃນເວລາເກັບກຳຈະມີທາດໂປໂລຕິນ, ຄາໂບຮາຍເລັດ, ນ້ຳຕານ, ແລະທາດເຄມີອື່ນທີ່ຕິດປະປົນ, ເຮັດໃຫ້ລະເຫີຍແລະກ້າມໄວ

74. Khi cao tận thu ở những cành nhánh cao, muốn dẫn mủ vào chén phải làm như thế nào?

74/ ໃນເວລາກິດສະສາງຈຸດທີ່ຢູ່ເທິງງ່າສູງຕ້ອງການລ່າລຽງນ້ຳຢາງລົງມາຮອດຖວ້ຍຕ້ອງເຮັດແນວໃດ?

a) Dẫn mủ từ máng dẫn mủ xuống chén hứng mủ bằng dây dẫn

ກ. ແມ່ນລ່າລຽງດ້ວຍສາຍນິລອນລົງມາຮອດຖວ້ຍຕົງຢາງ

b) Dẫn mủ bằng cách rong một mương dài từ miệng cao xuống máng dẫn mủ vào chén

ຂ. ດວ້ຍວິທີກິດເປັນຮ່ອງຍາວລົງມາຮອດຖວ້ຍ

c) Cả hai câu a và b đều sai

ຄ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຜິດ

d) Cả hai câu a và b đều đúng.

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນຖືກ

Giờ cạo (2 câu)

ເວລາກິດມີ 2 ຂໍ້

75. Vì sao năng suất mủ khi cạo trễ cho thấp hơn so với cạo sớm?

75/ ເປັນຫຍັງເວລາກິດສວາຍບໍ່ລົມາດນ້ຳຢາງຈຶ່ງໜ້ອຍກວ່າກິດແຕ່ເຊົ້າ?

- a) Do ảnh hưởng của thời tiết
- ກ. ຍອ້ນຜົນກະທົບຂອງດິນຟ້າອາກາດ
- b) Do thời gian chảy mủ ngắn hơn.
- ຂ. ຍອ້ນເວລານ້ຳຢາງໄຫຼໜ້ອຍ
- c) Do tâm lý của người công nhân cạo.
- ຄ. ຍອ້ນຄວາມຄິດຂອງກຳມະກອນ
- d) Do trút trễ nên mủ không được nhiều.
- ງ. ຍອ້ນເກັບກູ້ຊ້ຳເຮັດໃຫ້ບໍ່ໄດ້ຫຼາຍ

76. Quy định giờ cạo mủ trong ngày cạo?

76/ ກຳນົດເວລາກິດຢາງ?

- a) Bắt đầu cạo khi thấy rõ đường cạo, mùa mưa thì phải chờ vỏ cây khô ráo mới bắt đầu cạo, đến 11 – 12 giờ trưa mà vỏ cây chưa khô thì nghỉ cạo ngày đó
- ກ. ເລີ່ມຕົ້ນກິດແມ່ນເວລາທີ່ສາມາດເຫັນປາກກິດຈະແຈ້ງ, ຍາມຝົນແມ່ນຕ້ອງຖ້າໃຫ້ເປືອກຢາງແຫ້ງ, ຖ້າຮອດ 11-12 ໂມງທ່ຽງ ແຕ່ເປືອກຢາງບໍ່ແຫ້ງແມ່ນຝັກກິດໃນມື້ນັ້ນ
- b) Tranh thủ cạo sớm khi mặt trời chưa lên, những ngày mưa nghỉ cạo
- ຂ. ພະຍາຍາມກິດແຕ່ເຊົ້າໃນຕອນທີ່ຕາເວັນບໍ່ທັນຂຶ້ນ, ມື້ໃດຝົນຕົກແມ່ນຢຸດກິດ
- c) Chờ đến sáng hẳn mới cạo để tránh lỗi kỹ thuật
- ຄ. ຖ້າຈົນແຈ້ງສະຫວ່າງຈຶ່ງກິດ ເພື່ອຫຼີກລ້ຽງການພິດພາດທາງຕົກນິກ
- d) Cạo lúc nào cũng được khi thấy thuận lợi.
- ງ. ກິດຍາມໃດກະໄດ້ ຫາກເຫັນວ່າສະດວກ

Giờ trút (2 câu)

ເວລາເກັບກູ້ມີ 2 ຂໍ້

77. Sau khi cạo xong phần cạo của mình, khi nào công nhân cạo mủ tiến hành trút mủ?

77/ ຫຼັງຈາກກິດແລ້ວເປືຂອງຕົນ, ຍາມໃດຈຶ່ງສາມາດເກັບກູ້ນ້ຳຢາງໄດ້?

- a) Khi có hiệu lệnh trút mủ của tổ trưởng, đội trưởng.
- ກ. ຍາມທີ່ມີຄໍາສັ່ງຈາກຫົວໜ້າຈຸ, ໜ່ວຍ
- b) Khi nào cũng được, tùy sức khỏe công nhân cạo.
- ຂ. ຍາມໃດກະໄດ້ຂຶ້ນກັບສຸຂະພາບຂອງ ກ/ກ
- c) Khi mặt trời đứng bóng.
- ຄ. ເວລາທ່ຽງ
- d) Khi trời sắp mưa.
- ງ. ເວລາທີ່ຝົນກຳລັງຈະຕົກ

78. Để bảo đảm chất lượng khi giao nhận mủ phải làm như thế nào ?

78/ ເພື່ອຮັບປະກັນຄຸນນະພາບໃນການມອບຮັບຢາງຕອ້ງເຮັດແນວໃດ?

a) Khi đổ mủ nước từ thùng trút sang thùng chứa phải dùng rây lọc mủ với kích thước lỗ 5mm.

ກ. ເວລາທີ່ຖອກນ້ຳຢາງແຕ່ຄູ່ໃສ່ ຖັງເກັບຢາງຕອ້ງໃຊ້ແນວຕອງທີ່ມີຮູຂະໜາດ 5ມມ

b) Khi đổ mủ nước từ thùng chứa vào bồn của xe mủ phải có lưới lọc với kích thước lỗ 3mm

ຂ. ເວລາຖອກນ້ຳຢາງແຕ່ຖັງເກັບນ້ຳຢາງໃສ່ລົດຂົນນ້ຳຢາງຕອ້ງມີຕະໜ່າງຕອງທີ່ມີຮູ 3ມມ

c) Khi đổ mủ nước từ thùng trút sang thùng chứa không cần dùng rây lọc mủ

ຄ. ເວລາທີ່ຖອກນ້ຳຢາງແຕ່ຄູ່ໃສ່ ຖັງເກັບຢາງບໍ່ຕ້ອງໃຊ້ແນວກັນຕອງ

d) Chỉ có câu a và b là đúng.

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນ ຖືກ

Kích thích mủ (8 câu)

ລ້ງນ້ຳຢາງມີ 2 ຂໍ້

79. Tiêu chuẩn cây cao su được sử dụng chất kích thích mủ?

79/ ມາດຖານຂອງກົກຢາງທີ່ສາມາດໃຊ້ສານລ້ງໄດ້?

a) Cây sinh trưởng bình thường.

ກ. ກົກຢາງພັດທະນາປົກກະຕິ

b) Kỹ thuật cạo tốt.

ຂ. ຕົກນິກການກົດດີ

c) không bôi chất kích thích cho những cây bị cụt ngọn, cây bị bệnh nặng, cây có dấu hiệu khô mặt cạo hoặc cây quá nhỏ.

ຄ. ບໍ່ທາສານກັບກົກທີ່ ບໍ່ມີປາຍຍອດ, ກົກທີ່ເປັນພະຍາດ, ມີອາການທີ່ປາກກົດແຫ້ງ ກົກທີ່ນ້ອຍ

d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.

ງ. ທັງ 3 ຂໍ້ ເທິງແມ່ນຖືກ

80. Các giải pháp kích thích tăng sản lượng mủ hiện nay là:

80/ ວິທີມັກນຳໃຊ້ສານລ້ງນ້ຳຢາງປະຈຸບັນສວ່ນຫຼາຍແມ່ນ ໃຊ້ວິທີໃດ?

a) Dùng hóa chất có hoạt chất ethephon bôi lên cây cao su.

ກ. ໃຊ້ສານເຄມີທີ່ມີທາດ ethephon ທາໃສ່ກົກ

b) Cho cây cao su hấp thu trực tiếp khí ethylen.

ຂ. ໃຫ້ກົກຢາງໄດ້ຮັບອາຍທາດເຄມີ ethylen ໂດຍກົງ

c) Dùng tia laser kích thích mủ.

ຄ. ໃຊ້ tia laser ລ້ງນ້ຳຢາງ

d) Chỉ có câu trả lời a và b là đúng.

ງ. ຂໍ້ ກ ແລະ ຂໍ້ ຂ ແມ່ນ ຖືກ

81. Yêu cầu bảo quản chất kích thích mủ Ethhephon?

81/ ຄວນຮັກສາສານເລັ່ງນ້ຳຢາງethephonແນວໃດ?

- a) Tránh để nơi ẩm thấp, thiếu ánh sáng.
- ກ. ຫຼີກລ້ຽງປະບອນທີ່ມີຄວາມຊື່ນ, ບຽກແສງແດດບໍ່ຜ່ານ
- b) Để nơi bảo quản riêng, nhiệt độ từ 20 – 30 độ C kín đáo, an toàn.
- ຂ. ເກັບມ້ຽນໃນບ່ອນທີ່ມີອຸນຫະພູມແຕ່ 20 ຫາ 30 ອົງສາ
- c) Để ngoài phạm vi tiếp xúc của trẻ con.
- ຄ. ບ່ອນທີ່ຫ່າງຈາກເດັກນ້ອຍ
- d) Chất kích thích mủ được giữ trong mát, tránh ánh nắng trực tiếp, tuân theo hạn sử dụng ghi trên bao bì.
- ງ. ເກັບມ້ຽນບ່ອນທີ່ເຢັນ, ບໍ່ໃຫ້ມີແສງແດດສ່ອງໃສ່ສຶກສາຕາມການແນະນຳຂອງສະຫາກ

82. Yêu cầu về an toàn lao động khi sử dụng chất kích thích Ethhephon?

82/ ຄວາມປອດໄພໃນການໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງethephon?

- a) Khi bôi chất kích thích cho miệng cao cao, phải mang kính phòng hộ.
- ກ. ເວລາທາສານເລັ່ງບ່ອນທີ່ສູງຕ້ອງໄດ້ໃສ່ແວ່ນຕາກັນ
- b) Tránh để chất kích thích dính trên da, mắt. Trong trường hợp bị dính chất kích thích vào da phải rửa ngay bằng xà phòng và nước ấm. Nếu bị dính chất kích thích vào mắt phải rửa ngay nhiều lần bằng nước sạch.
- ຂ. ບໍ່ໃຫ້ຖືກຜິວໜັງ, ຕາ, ຫາກກໍລະນີຖືກສານເລັ່ງຕ້ອງໄປລ້າງອອກທັນທີດ້ວຍສະບູແລະນ້ຳອຸ່ນ, ຫາກເຂົ້າຕາ ຕ້ອງລ້າງດ້ວຍນ້ຳສະອາດທັນທີ ແລະຫຼາຍເທື່ອ
- c) Sau khi sử dụng phải hủy bỏ bao bì đựng chất kích thích, không sử dụng lại.
- ຄ. ຫຼັງຈາກໃຊ້ໝົດແລ້ວຕ້ອງຖິ້ມບໍ່ອະນຸຍາດນຳໃຊ້ຄືນ
- d) Cả 3 câu trả lời trên đều đúng.
- ງ. ທັງ 3 ຂໍ້ ເທິງແມ່ນຖືກ

83. Chất kích thích Ethhephon có làm ảnh hưởng đến chất lượng gỗ cao su sau này không?

83/ ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງethephon ມີຜົນກະທົບຕໍ່ຄຸນນະພາບຂອງໄມ້ຢາງບໍ່ໃນອະນາຄົດ?

- a) Có ảnh hưởng đến chất lượng gỗ.
- ກ. ມີຜົນກະທົບ
- b) Chỉ ảnh hưởng đến chất lượng gỗ nếu sử dụng thuốc liên tục và lâu dài.
- ຂ. ມີຜົນກະທົບຫາກໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງຕໍ່ເນື່ອງແລະເວລາຍາວນານ
- c) Không có ảnh hưởng gì đến chất lượng gỗ cao su.
- ຄ. ບໍ່ມີຜົນກະທົບ
- d) Đang còn nghiên cứu.
- ງ. ກໍາລັງຄົ້ນຄ້ວາ

84. Không được bôi chất kích thích mũ Ethepon vào những thời điểm nào:

84/ ບໍ່ອະນຸຍາດທາສານເລັ່ງນ້ຳຢາງethephon ໃນເວລາໃດ?

a) Lúc trời có dấu hiệu sắp mưa hoặc mặt cao còn ướt.

ກ. ເວລາທີ່ເຫັນທອ້ງຝ້າຄື້ມຝົນຈະຕົກຫຼືປາກຢາງຍັງບຽກ

b) Lúc trời nắng gắt.

ຂ. ເວລາແດດຈັດ

c) Trong mùa cao su thay lá hoặc vườn cây đang bị bệnh.

ຄ. ເວລາທີ່ກົກຢາງປ່ຽນໃບ, ຫຼືເປັນພະຍາດ

d) Tất cả đều đúng.

ງ. ຖືກທັງ 3 ຂໍ້

85. Tác dụng của chất kích thích để tăng sản lượng mũ thể hiện rõ nhất qua việc:

85/ ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງເຫັນໄດ້ຢ່າງຊັດເຈນແມ່ນຫຍັງ?

a) Tăng năng suất lao động cao mũ.

ກ. ເພີ່ມສະມັດຕະພາບຂອງກຳມະກອນ

b) Giảm tỷ lệ bệnh khô miệng cao.

ຂ. ຫຼຸດຜ່ອນປາກຢາງແຫ້ງ

c) Tiết kiệm được lượng phân bón.

ຄ. ປັດຫຍັດຜຸ່ນ

d) Kéo dài thời gian chảy mũ.

ງ. ແກ່ຍາວໃນການໄຫຼຂອງນ້ຳຢາງ

86. Những dạng vườn cây cao su kinh doanh nào dưới đây không được sử dụng chất kích thích mũ?

86/ ສວນຢາງປະເພດໃດທີ່ບໍ່ສາມາດໃຊ້ສານເລັ່ງນ້ຳຢາງ?

a) Không trang bị máng chắn mưa.

ກ. ບໍ່ຕິດຕັ້ງແຜ່ນກັນຝົນ

b) Đang cao nhíp đồ d/2.

ຂ. ກຳລັງກິດ d/2

c) Đang cao úp có kiểm soát.

ຄ. ກຳລັງກິດປາກກິດຂ້ອມມີການກວດກາ

d) Ngưng cao sau 1 thời gian dài.

ງ. ຢຸດກິດຍາວໄລຍະນຶ່ງ

Chăm sóc và quản lý vườn cây kinh doanh (6 câu)

87. Tại sao không được cày giữa hàng trong vườn cao su khai thác:

87/ ເປັນຫຍັງບໍ່ໄດ້ໃຖວ່າງກາງກົກຢາງທີ່ກຳລັງເກັບກູ້?

a) Vì sẽ làm đứt rễ hút dinh dưỡng của cây cao su và gây xói mòn đất

ກ. ຍ້ອນຈະເຮັດໃຫ້ຂາດຮາກທີ່ດູດເອົາທາດບຳລຸງ

b) Vì cày sẽ làm ức chế khả năng cho mủ của cây cao su

ຂ. ຍ້ອນເຮັດໃຫ້ນ້ຳຢາງບໍ່ອອກໄດ້ຫຼາຍ

c) Cày giữa hàng sẽ làm cây cao su bị khô mặt cạo

ຄ. ຈະເຮັດໃຫ້ກົກຢາງຖືກປາກກິດແຫ້ງ

d) Cày giữa hàng không hiệu quả kinh tế.

ງ. ຈະເຮັດໃຫ້ບໍ່ເປັນເສດຖະກິດ

88. Biện pháp làm cỏ giữa hàng cho vườn cao su kinh doanh?

88/ ຮູບການເສຍຫຍ້າວ່າງກາງກົກທີ່ກຳລັງເກັບກູ້ແມ່ນເຮັດແນວໃດ?

a) Làm thật sạch cỏ để tiêu diệt các mầm bệnh

ກ. ຕ້ອງເຮັດໃຫ້ສະອາດເພື່ອຂ້າໄດ້ພະຍາດອື່ນ

b) Sử dụng cày lật để tận diệt cỏ dại

ຂ. ໃຊ້ການໃຖຫຼັບເພື່ອໃຫ້ຫຍ້າຕາຍ

c) Thường xuyên phát cỏ giữa hàng, giữ lại thảm cỏ dày từ 10 – 15cm để chống xói mòn.

ຄ. ປົກຕິຖາງຫຍ້າວ່າງແຖວ, ຮັກສາໄວ້ຫຍ້າທີ່ມີຄວາມໜາແຕ່ 10 ຫາ 15 ຊມ ເພື່ອກັນດິນເຊາະຈື່ນ

d) Kết hợp cơ giới và thủ công để làm cỏ.

ງ. ສົມທົບກັບກົນຈັກແລະແຮງງານຄົນ

89. Để xác định yêu cầu phân bón cho vườn cây cao su kinh doanh, cách tốt nhất là dựa vào:

89/ ເພື່ອກຳນົດຄວາມຕ້ອງການຜຸ້ນໃຫ້ແກ່ສວນຢາງທີ່ໃຫ້ເສດຖະກິດວິທີດີທີ່ສຸດແມ່ນອີງໃສ່ຫຍັງ?

a) Kinh nghiệm bón phân trước đây đã áp dụng

ກ. ປະສົບການໃສ່ຜຸ້ນທີ່ໄດ້ນຳໃຊ້ໃນເມື່ອກ່ອນ

b) Tài liệu của các nước trồng cao su tiên tiến

ຂ. ເອກະສານຂອງປະເທດທີ່ໄດ້ບຸກຢາງມາກ່ອນ

c) Kết quả chẩn đoán dinh dưỡng qua phân tích đất, lá cây cao su

ຄ. ໝາກຜົນຂອງການກະຕາງທາດບຳລຸງຜ່ານການໃຈແຍກຂອງດິນ, ໃບໄມ້ຢາງພາລາ

d) Yêu cầu ưu tiên bón phân hữu cơ vi sinh cho vườn cây kết hợp với việc bón phân hoá học.

ງ. ຄວາມຕ້ອງການໃສ່ຜຸ້ນເຄມີສົມທົບກັບໃສ່ຜຸ້ນຄອກ.

90. Trong mùa cao su thay lá hàng năm , người công nhân cao mủ sẽ làm một trong các việc sau :

90/ ໃນລະດູຢາງພາລາບ່ຽນໃບທຸກປີ, ກ/ກກິດຢາງຕ້ອງເຮັດວຽກຫຍັງ?

a) Bôi thuốc phòng bệnh cháy nắng.

ກ. ທາຍາກັນພະຍາດໃນຍາມຮ້ອນ

b) Bón phân cho vườn cây.

ຂ. ໃສ່ຜຸນ

c) Phòng chống cháy cho vườn cây.

ຄ. ບັງກັນໄຟໃໝ່ໃຫ້ສວນຢາງ

d) Bôi thuốc kích thích mủ.

ງ. ທາສານລ້ງນ້ຳຢາງ

91. Trường hợp vườn cao su bị cháy có khả năng phục hồi, cách xử lý cho cây cao su như sau:

91/ ໃນກໍລະນີສວນຢາງຖືກໄຟໃໝ່, ໃນກໍລະນີສາມາດຟື້ນຟູ, ເຮົາມີວິທີແກ້ໄຂແນວໃດ?

a) Bôi lên lớp vỏ bị cháy bột lưu huỳnh thấm nước (Sulox, Kumulus) nồng độ 0,3%.

ກ. ທາທາດ (SULOX, KUMULUS) ໃສ່ເປຣອກບອນທີ່ຖືກໄຟທີ່ມີຄວາມເຂັ້ມ 0,3%

b) Nạo sạch lớp vỏ bị cháy

ຂ. ຊຸດໃຫ້ໝົດເປຣອກທີ່ໃໝ່

c) Dùng đốt chích thử mủ phía dưới miệng cao để xác định vùng vỏ khô, tiến hành cạo cách ly.

ຄ. ໃຊ້ວິທີສະກັດກັ້ນບໍ່ໃຫ້ແຜ່ລາມຕໍ່

d) Quét dung dịch vôi 5% lên lớp vỏ cây bị ảnh hưởng.

ງ. ໃຊ້ບຸນຂາວ ທີ່ມີຄວາມເຂັ້ມ 5% ທາໃສ່ເປຣອກທີ່ຖືກກະທົບ

92. Để đạt hiệu quả cao đối với vườn cây cao su kinh doanh trước khi thanh lý, tái canh phải làm như thế nào :

92/ ເພື່ອໃຫ້ມີປະສິດທິພາບສູງກ່ອນທີ່ຈະສະສາງສວນຢາງແລະບຸກໃໝ່ ຕ້ອງເຮັດແນວໃດ?

a) Có kế hoạch cạo tận thu 1 năm

ກ. ມີແຜນການກົດ ໄດ້ທຳທີຈະໄດ້ 1 ປີ

b) Có kế hoạch cạo tận thu ít nhất 2 năm

ຂ. ມີແຜນການກົດໄດ້ທຳທີຈະໄດ້ 2 ປີ

c) Có kế hoạch cạo tận thu 1 năm 6 tháng

ຄ. ມີແຜນການກົດ ໄດ້ທຳທີຈະໄດ້ 1 ປີ 6 ເດືອນ

d) Đến tuổi cạo 20 là thanh lý luôn không cần cạo tận thu.

ງ. ຮອດອາຍຸ 20 ປີແມ່ນສະສາງເລີຍ

Ký hiệu (6 câu)
ເຄື່ອງໝາຍມີ 6 ຂໍ້

93. Quy ước đánh dấu vi phạm lỗi kỹ thuật cạo phạm nặng trên cây cao su là:

93/ ເຄື່ອງໝາຍທີ່ບົ່ງບອກວ່າກິດພາດໜັກແມ່ນເຄື່ອງໝາຍໃດ?

- a) II
- ກ. II
- b) W
- ຂ. W
- c) A
- ຄ. A
- d) V
- ງ. V

94. Quy ước đánh dấu vi phạm lỗi kỹ thuật cạo vệ sinh kém là:

94/ ເຄື່ອງໝາຍທີ່ບົ່ງບອກວ່າກິດອາໄສໄມອ່ອນເຄື່ອງໝາຍໃດ?

- a) Δ
- ກ. Δ
- b) ∇
- ຂ. ∇
- c) II
- ຄ. II
- d) W
- ງ. W

95. Quy ước đánh dấu vi phạm lỗi kỹ thuật cạo cạn nặng trên cây cao su là:

95/ ເຄື່ອງໝາຍທີ່ບົ່ງບອກວ່າກິດຕື່ນແຮງເຄື່ອງໝາຍໃດ?

- a) Δ
- ກ. Δ
- b) V
- ຂ. V
- c) ∇ _
- ຄ. ∇
- d) ^
- ງ. ^

96. Quy ước đánh dấu vi phạm lỗi kỹ thuật cạo dày dăm nặng:

96/ ເຄື່ອງໝາຍທີ່ບົ່ງບອກວ່າກິດເປືອງແຮງເຄື່ອງໝາຍໃດ?

a) Δ

ກ. Δ

b) $\times$

ຂ. $\times$

c) A

ຄ. A

d) V

ງ. V

97. Ký hiệu ∇ biểu hiện lỗi kỹ thuật:

97/ ເຄື່ອງໝາຍ ∇ ເຄື່ອງໝາຍໃດ?

a) Vệ sinh kém.

ກ. ອະນາໄມອ່ອນ

b) Tân thu mủ kém.

ຂ. ກິດເກັບກູ້ອ່ອນ

c) Cạo dày dăm nặng.

ຄ. ກິດໜາຫຼາຍ

d) Cạo cạo nặng.

ງ. ກິດຕື່ນແຮງ

98. Quy ước đánh dấu vi phạm lỗi kỹ thuật miệng cạo lượn sóng là:

98/ ເຄື່ອງໝາຍທີ່ບົ່ງບອກວ່າກິດເປັນຄື້ນແຮງເຄື່ອງໝາຍໃດ?

a) Δ

ກ. Δ

b) ∇

ຂ. ∇

c) $\parallel$

ຄ. $\parallel$

d) W

ງ. W

Cây Khô miệng cạo(2 câu)

ກົກຢາງປາກກິດເຫຼັ້ມມີ 2 ຂໍ້

99. Khi phát hiện cây bị khô miệng cạo , người công nhân cạo mủ sẽ xử lý như thế nào ?

99/ ກ/ກທີ່ພົບເຫັນກົກຢາງປາກກິດເຫຼັ້ມຕ້ອງເຮັດແນວໃດ?

a) Phải ngưng cạo và kiểm tra ngay vùng khô mủ để cạo cách ly và chuyển mặt cạo.

ກ. ຕ້ອງຢຸດກິດແລະກວດກາທັນທີ, ບ່ອນທີ່ປາກເຫຼັ້ມແລະປ່ຽນບ່ອນກິດ

b) Bôi thuốc kích thích mủ để cạo tiếp tục.

ຂ. ທາສານເລັ່ງເພື່ອກິດຕໍ່

c) Tăng cường phân bón cho cây khô miệng cạo.

ຄ. ເພີ່ມການໃສ່ຝຸ່ນໃຫ້ກົກຢາງ

d) Báo với tổ trưởng, cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.

ງ. ແຈ້ງໃຫ້ຫົວໜ້າຈຸ, ຫົວໜ້າວິຊາການທັນທີເພື່ອມີຮູບການແກ້ໄຂ

100. Triệu chứng của hiện tượng khô miệng cạo?

100/ ອາການປາກກິດເຫຼັ້ມມີແນວໃດ?

a) Cây bị chết ngưng, lá rụng, miệng cạo bị khô, không cho mủ.

ກ. ໃບໄມ້ລົ້ນ, ເຫຼັ້ມຕາຍ, ປາກກິດເຫຼັ້ມ, ບໍ່ໃຫ້ນ້ຳຢາງ

b) Mặt cạo bị khô đồng loạt cùng một phía, nếu bệnh trầm trọng sẽ làm chết cả cây hoặc một bên cây, cạo không có mủ.

ຂ. ປາກກິດເຫຼັ້ມທັງໝົດເບື້ອງນຶ່ງ, ບໍ່ໃຫ້ນ້ຳຢາງ

c) Cây đang cạo mủ bình thường xuất hiện các đoạn khô mủ ngắn trên miệng cạo, vết khô sẽ lan dần nhanh ra sau đó khô mủ toàn miệng cạo và cây bị khô mủ hoàn toàn.

ຄ. ກົກທີ່ກຳລັງກິດປົກກະຕິແຕ່ເຫັນບາງຈຸດທີ່ເຫຼັ້ມເທິງປາກກິດ, ຈຸດທີ່ເຫຼັ້ມຈະແຜ່ລາມ

ໄວ້ທັງຈາກນັ້ນຈະເຫຼັ້ມໝົດປາກກິດແລະກົກຖືກເຫຼັ້ມທັງໝົດ

d) Tất cả đều đúng.

ງ. ຖືກທັງໝົດ